

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-ST

Ngày: 22-6-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Tuyên

Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Kháng A Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Hoàng A D; Sinh năm 1981 tại tỉnh Lai Châu; Số CCCD: 0120810022** cấp ngày 24/9/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Bản H, xã P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Nghề nghiệp: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã P, tỉnh Lai Châu, hiện đang bị tạm đình chỉ công tác (Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P, tỉnh Lai Châu); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hà Nhì; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng A D1 (đã chết) và bà Chu Mì N, sinh năm 1961; Vợ: Lý Mì C, sinh năm 1985; Con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2026 cho đến nay (Có mặt).

2. Lý Hùng T; Sinh năm 1990 tại tỉnh Lai Châu; Số CCCD: 0120900016** cấp ngày 28/6/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Tổ dân phố HN, xã P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Nghề nghiệp: Công chức phòng Kinh tế xã P, tỉnh Lai Châu, hiện đang bị tạm đình chỉ công tác (Nguyên công chức địa chính xã HL, huyện P, tỉnh Lai Châu); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Quang M, sinh năm 1962 và bà Lý Lở M1, sinh năm 1960; Vợ: Bùi Minh Th, sinh năm 1993; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2026 cho đến nay (Có mặt).

3. Xè A G; Sinh năm 1980 tại tỉnh Lai Châu; Số CCCD: 0120800025** cấp ngày 24/7/2023; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Bản HL1, xã P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Nghề nghiệp: Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã P, hiện đang bị tạm đình chỉ công tác (Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P, tỉnh Lai Châu); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hà Nhì; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Xè A Đ (đã chết) và bà Chang Mỳ D2, sinh năm 1959; Vợ: Cao Mì D3, sinh năm 1984; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2026 cho đến nay (Có mặt).

4. Trần Minh P; Sinh năm 1985 tại tỉnh Lai Châu; Số CCCD: 0120850043** cấp ngày 12/10/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Thôn T, xã P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV TP; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn C, sinh năm 1930 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1947; Vợ: Cù Thị Th, sinh năm 1989; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/01/2026 cho đến nay (Có mặt).

5. Giàng A H1; Sinh năm 1986 tại tỉnh Lai Châu; Số CCCD: 0120860058** cấp ngày 11/8/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; Nơi thường trú: Bản PT, xã P, tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Nghề nghiệp: Lao động tự do (Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã HL, huyện P, tỉnh Lai Châu); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hà Nhì; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A C1, sinh năm 1958 và bà Ma Mỳ X, sinh năm 1960; Vợ: Lừ Mỳ T1, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2026 cho đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng A D, Xè A G và Giàng A H1: Bà Nguyễn Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Sùng Ngọc Th1, sinh năm 1978 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Tổ dân phố HB, xã P, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Châu S, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Bản H2, xã DS, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Ông Chu A N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản H, xã P, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn ĐC1, xã A, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt).

5. Ông Lý A D4, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Bản L, xã P, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Công trình duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn nội bản L, xã HL, huyện P (cũ), tỉnh Lai Châu (viết tắt là Công trình) được đầu tư theo Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện P. Công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia với dự toán ngân sách Nhà nước giao là 495.000.000 đồng, trong đó: Chi phí xây dựng 468.588.987 đồng (vốn Nhà nước hỗ trợ 467.588.987 đồng, nhân dân đóng góp 1.000.000 đồng); chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư 8.893.246 đồng; chi phí hỗ trợ quản lý, thực hiện dự án 17.517.767 đồng.

Theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thì công trình trên phải do nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ tại địa bàn xã HL thực hiện. Do tại xã HL không có nhà thầu nào nên để triển khai công trình, bị cáo Lý Hùng T - Công chức địa chính xã HL đã tham mưu cho bị cáo Hoàng A D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL giao công trình trên cho Công ty TNHH MTV TP do bị cáo Trần Minh P làm Giám đốc thực hiện. Bị cáo D đồng ý với đề xuất của bị cáo T nhưng để hợp lý hóa, yêu cầu bị cáo T lập hồ sơ nhà thầu công trình là tổ thợ duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bàn xã HL do ông Lý A D4 là trưởng bản L, xã HL đứng tên đại diện. Bản thân bị cáo P được bị cáo D và bị cáo T liên hệ, trao đổi giao công trình cho thi công mà không phải làm hồ sơ thầu. P biết rõ chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân xã HL phải dùng nhà thầu khác để lập hồ sơ hợp lý hóa.

Khi công trình được triển khai, người được Ủy ban nhân dân xã giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo về tiến độ thực hiện, kích thước hình học cơ bản (chiều dày, bề rộng, chiều dài tuyến đường) và chất lượng thi công công trình là bị cáo Giàng A H1 - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã HL, Trưởng ban pháp chế Hội đồng nhân dân xã, thành viên Ban quản lý xã HL.

Do nhận thức công trình sử dụng vốn đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phải được nghiệm thu, quyết toán trước ngày 31/12/2024 nên bị cáo D với vai trò là đại diện chủ đầu tư, lo lắng nếu không giải ngân vốn đầu tư công trình đạt 100% thì sẽ ảnh hưởng đến Ủy ban nhân dân xã HL. Đồng thời, cũng do một phần tin tưởng bị cáo P sẽ thi công nốt phần khối lượng còn lại nên ngày 29/12/2024, bị cáo D biết rõ công trình thi công còn thiếu 54,8m Nhánh 01 và thiếu 215,7m Nhánh 02 so với hồ sơ thi công xây dựng nhưng bị cáo D vẫn chỉ đạo bị cáo Xè A G - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL cùng các bị cáo Lý Hùng T, Giàng A H1 và thống nhất với bị cáo Trần Minh P nghiệm thu toàn bộ 100% khối lượng công trình để đưa vào sử dụng, cụ thể: Nhánh 01 nghiệm thu đủ 510m, Nhánh 02 nghiệm thu đủ 315m tương đương giá trị theo hợp đồng là 467.588.987 đồng. Bị cáo P biết rõ việc nghiệm thu thiếu khối lượng công trình theo chỉ đạo của bị cáo D là sai nhưng vẫn đồng ý cùng thực hiện việc nghiệm thu.

Ngày 21/01/2025, bị cáo D chỉ đạo kế toán của Ủy ban nhân dân xã HL rút và thanh toán toàn bộ số tiền 467.588.000 đồng là chi phí xây dựng thuộc vốn Nhà nước hỗ trợ cho hạng mục thi công xây dựng công trình trên cho bị cáo Trần Minh P. Thời gian sau đó, bị cáo D đã nhiều lần yêu cầu bị cáo P tiếp tục thi công khối lượng công trình còn thiếu và đã được nghiệm thu, thanh toán không nhưng P không thực hiện.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo trình bày, các bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục toàn bộ hậu quả, cụ thể: Các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xê A G và Giàng A H1 mỗi bị cáo nộp 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh P nộp 104.936.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P tại phiên tòa trình bày: Đề nghị các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã với tổng số tiền các bị cáo đã nộp là 124.936.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lý A D4 trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông là trưởng bản L, vào khoảng cuối năm 2024, bị cáo Lý Hùng T có điện thoại cho ông nói quá trình thi công mở đường ông có trách nhiệm giám sát, giúp đơn vị thi công giải phóng mặt bằng, nếu có gì vướng mắc giữa người dân và đơn vị thi công thì đứng ra giải quyết và đại diện để lấy tiền thanh toán cho đơn vị thi công. Ngày 20/01/2025, bị cáo Lý Hùng T điện thoại cho ông và bảo ngày 21/01/2025 đi cùng Chu A N là thủ quỹ xã HL đến ngân hàng rút tiền thanh toán công trình về đưa cho kế toán xã. Sau khi rút được tiền, ông và N mang về đưa cho kế toán xã là Nguyễn Châu S, S có cho ông và ông N mỗi người 500.000 đồng xăng xe. Ngoài ra, ông không biết nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Chu A N trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông được giao nhiệm vụ kiêm thủ quỹ xã nên ngày 21/01/2025, ông đi cùng Lý A D4 ra ngân hàng rút tiền về đưa cho Nguyễn Châu S để trả cho đơn vị thi công, S có cho ông và D4 mỗi người 500.000 đồng xăng xe. Ngoài ra, ông không biết nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Châu S trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông là kế toán xã nên ngày 21/01/2025 ông được Lý A D4 và Chu A N đưa cho ông 467.588.000 đồng để trả cho đơn vị thi công, sau khi nhận tiền ông có lấy tiền cá nhân cho Lý A D4 và Chu A N mỗi người 500.000 đồng tiền xăng. Khoảng 02 ngày sau, Trần Minh P lên gặp ông và ông đã làm thủ tục thanh toán toàn bộ số tiền trên cho P. Ngoài ra, ông không biết nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Trần Văn H trong quá trình điều tra trình bày: Ông và bị cáo Trần Minh P là anh em họ nên thỉnh thoảng P có nhờ ông trông vật liệu hộ. Cuối năm 2024, P bận nên nhờ ông đến Ủy ban nhân dân xã HL gặp bị cáo Lý Hùng T để đi nhận bàn giao mặt bằng, sau đó về báo cáo lại cho P. Khoảng 01 tháng sau, P nhờ ông đến công trình chỉ các vị trí

đã thi công cho đoàn nghiệm thu, ông không biết việc nghiệm thu, thanh toán như thế nào.

Đối với Lý A D4 là người có tên trong hồ sơ xây dựng với vai trò Tổ trưởng tổ thợ duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bàn xã HL. Kết quả điều tra xác định, D4 bị mượn danh để lập không hồ sơ xây dựng. Ngoài ra, ngày 20/01/2025 D4 được bị cáo Lý Hùng T điện thoại yêu cầu trong ngày 21/01/2025 D4 là người đại diện dân bản L đi cùng Chu A N là thủ quỹ xã HL đến ngân hàng rút tiền về thanh toán cho đơn vị thi công, D4 không biết vi phạm về thanh toán công trình nên Cơ quan điều tra không xử lý D4 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Châu S là kế toán Ủy ban nhân dân xã HL, là người thực hiện các thủ tục quyết toán, thanh toán tiền cho công trình. Kết quả điều tra xác định S không biết việc công trình được nghiệm thu không khối lượng. S chỉ là người thực hiện nghiệp vụ kế toán tại các cơ quan chức năng trên cơ sở hồ sơ công trình do các bị cáo lập. Hành vi của S không phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại cho ngân sách Nhà nước nên Cơ quan điều tra không xử lý S là có căn cứ.

Đối với Chu A N là thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã HL, là người đi rút tiền công trình cùng Lý A D4. N không biết vi phạm về thanh toán công trình nên Cơ quan điều tra không xử lý N là có căn cứ.

Đối với Trần Văn H là người được bị cáo Trần Minh P nhờ dẫn các bị cáo Lý Hùng T, Xè A G, Giàng A H1 đi kiểm tra thực tế để nghiệm thu công trình vào ngày 29/12/2024. Kết quả điều tra xác định H không biết việc các bị cáo thực hiện các thủ tục nghiệm thu công trình theo khối lượng như thế nào nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý H.

Đối với hành vi ký giả các chữ ký của Lý A D4 vào hồ sơ công trình của bị cáo Lý Hùng T. D4 không phải là người có chức vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Tổ thợ duy tu, bảo dưỡng các công trình trên địa bàn xã HL cũng không phải là tổ chức có tư cách pháp nhân nên hành vi của T nêu trên không cấu thành tội phạm khác mà nằm trong cấu thành tội bị cáo đang bị xử lý trong vụ án.

Theo dự toán kinh phí đầu tư, tổng mức chi phí xây dựng là 468.588.987 đồng, trong đó vốn Nhà nước hỗ trợ là 467.588.987 đồng, nhân dân đóng góp là 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định nhân dân không đóng góp 1.000.000 đồng tiền mặt mà đóng góp bằng công sức theo khối lượng thi công thực tế. Do đó, đối với khối lượng công trình được nghiệm thu không có phần vốn nhân dân đóng góp, tương ứng với thiệt hại là 266.116 đồng chưa xảy ra. Do đó, thiệt hại xảy ra trong vụ án này chỉ là số tiền từ ngân sách Nhà nước.

Tại kết luận giám định số 684/KL-GĐTP ngày 02/12/2025 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng - Sở X tỉnh Lai Châu kết luận:

1. Kết quả kiểm tra đo đạc thực tế: Công trình duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn nội bản L, xã HL huyện P (cũ), tỉnh Lai Châu năm 2024 thi công thực tế thiếu 54,8m Nhánh 01 và thiếu 215,7m Nhánh 02 so với hồ sơ nghiệm thu thanh toán.

2. Kết quả xác định giá trị xây dựng thực tế tại thời điểm công trình hoàn thành và so sánh với hồ sơ thanh toán: Giá trị theo hồ sơ thanh toán: 468.588.000

đồng; giá trị giám định: 343.652.098 đồng; chênh lệch 124.935.902 đồng (trong đó: Vốn Nhà nước là 124.670.774 đồng; nhân dân đóng góp là 266.116 đồng).

3. Kết luận các vi phạm pháp luật về xây dựng: Công trình đã vi phạm quy định của pháp luật về xây dựng cụ thể như sau:

Về giám sát: Vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 120 Luật xây dựng;

Về nghiệm thu: Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật xây dựng: Vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ xây dựng; Chưa đảm bảo các thành phần tham gia (thiếu đại diện cộng đồng dân cư) quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tại kết luận giám định số 969/KL-KTHS ngày 16/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh Lai Châu kết luận: Chữ ký mang tên Lý A D4 trên các tài liệu cần giám định (Đơn đăng ký thực hiện; Hợp đồng thi công xây dựng; Phụ lục hợp đồng; Biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng; Phiếu yêu cầu nghiệm thu; Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình bàn giao đưa vào sử dụng; Giấy đề nghị thanh toán; Biên bản thanh lý hợp đồng; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành) so với chữ ký của Lý A D4 trên các tài liệu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSLCU-P1 ngày 12/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1 về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm b khoản 1 Điều 224 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1 phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 48 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1. Áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng A D. Áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1:

- Xử phạt bị cáo Hoàng A D từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng đến 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Lý Hùng T từ 16 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ; Xử phạt bị cáo Xè A G, Trần Minh P mỗi bị cáo từ 14 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ; Xử phạt bị cáo Giàng A H1 từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày

Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu tổng số tiền 124.936.000 đồng, cụ thể: Các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Giàng A H1 mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh P bồi thường 104.936.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Hoàng A D, Xè A G và Giàng A H1 đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo, các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu, các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Về án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Hoàng A D, Xè A G và Giàng A H1 nhất trí với lời bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo hoàn toàn thống nhất, phù hợp lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Cuối năm 2024, Ủy ban nhân dân xã HL, huyện P (cũ), tỉnh Lai Châu được giao làm chủ đầu tư công trình duy tu, bảo dưỡng đường giao thông nông thôn nội bản L, xã HL với nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho hạng mục thi công xây dựng là 467.588.987 đồng. Để công trình

được triển khai đáp ứng điều kiện của công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, bị cáo Hoàng A D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo bị cáo Lý Hùng T - công chức địa chính xã lập hồ sơ nhà thầu là Tổ thợ thuộc địa bàn xã, còn thực tiễn thi công giao cho Công ty TNHH MTV TP, do bị cáo Trần Minh P là Giám đốc thực hiện. Sau đó, đến ngày 29/12/2024 để công trình được nghiệm thu, quyết toán trước ngày 31/12/2024 nhằm đạt 100% vốn đầu tư công nên dù biết rõ công trình thi công còn thiếu khối lượng nhưng Hoàng A D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã vẫn chỉ đạo các bị cáo Xè A G - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, bị cáo Lý Hùng T - công chức địa chính xã, bị cáo Giàng A H1 - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã cùng bị cáo Trần Minh P tiến hành nghiệm thu đối với 100% khối lượng công trình và quyết toán. Sau khi nhận thanh toán toàn bộ số tiền thi công công trình, bị cáo P không tiếp tục tiến hành thi công phần công trình còn thiếu theo hồ sơ thiết kế dẫn đến công trình không được hoàn thành. Hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 124.670.774 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước về đầu tư công trình xây dựng, ảnh hưởng xấu đến trị an trên địa bàn. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm b khoản 1 Điều 224 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Hoàng A D là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội; Các bị cáo Lý Hùng T, Xè A G, Giàng A H1 và Trần Minh P đều là những người thực hành, trong đó các bị cáo T, G và H1 là cấp dưới của bị cáo D. Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:
Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Trong quá trình điều tra, các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G và Giàng A H1 mỗi bị cáo nộp 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh P nộp 104.936.000 đồng để khắc phục hậu quả; Các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Giàng A H1 được Ủy ban nhân dân xã HL công nhân danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2022, 2023, 2024; Ngoài ra:

Bị cáo Hoàng A D được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2020, 2021, 2024; Tập đoàn Đ Việt Nam tặng Bằng khen năm 2022; Bộ trưởng Bộ C tặng Kỷ niệm chương năm 2021; Ngân hàng CS vinh danh năm 2025.

Bị cáo Lý Hùng T có bố đẻ là ông Lý Quang M được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2009, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2018, 2019; Ban chấp hành Đ tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2010; Ban chấp hành T tặng kỷ niệm chương năm 2016; Chánh án Tòa án nhân dân T1 tặng Bằng khen năm

2011; Ban chấp hành T2 tặng huy hiệu 30 năm tuổi đảng năm 2018; vợ bị cáo là Bùi Minh Th được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng bằng khen năm 2022.

Bị cáo Xè A G được Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện P tặng Giấy khen năm 2007, 2018, 2022, 2024; Ban chấp hành H tỉnh L tặng Giấy khen năm 2009, 2012; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã HL tặng Giấy khen năm 2011, 2012, 2020; Ban chấp hành H huyện P tặng Giấy khen năm 2014.

Bị cáo Trần Minh P có bố đẻ là ông Trần Văn C được Hội đồng N tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; mẹ đẻ là bà Bùi Thị H được Đoàn TN tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong và Ban C huyện P tặng Giấy khen năm 2025; Ủy ban nhân dân xã M chứng nhận Công ty TNHH MTV TP đã tham gia công tác xã hội hóa giáo dục năm 2019; vợ bị cáo là Cù Thị Th được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2017, 2018 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P tặng Giấy khen năm 2023.

Do đó các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng A D được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo. Trong vụ án, bị cáo Hoàng A D là người giữ vai trò chính, là người khởi xướng, đã chỉ đạo cấp dưới là bị cáo Lý Hùng T hoàn thiện hồ sơ nhà thầu là Tổ thợ và chỉ đạo các bị cáo Lý Hùng T, Xè A G, Giàng A H1 cùng bị cáo Trần Minh P là đơn vị thi công nghiệm thu thiếu khối lượng so với hồ sơ thiết kế nên cần cho bị cáo D hình phạt tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; Đối với các bị cáo T, G, P, H1 cần cho các bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là cải tạo không giam giữ để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần có sự phân hóa vai trò đối với các bị cáo, bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo G và P, sau cùng là bị cáo H1. Căn cứ khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, cần miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo T, G, P, H1 vì xét thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo còn khó khăn.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo Hoàng A D hình phạt cải tạo không giam giữ vì bị cáo là người giữ vai trò chính, là người chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 4 Điều 224 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Xét thấy, điều kiện kinh tế của các bị cáo còn khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại với tổng

số tiền là 124.936.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G và Giàng A H1 mỗi bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh P bồi thường 104.936.000 đồng, hiện các bị cáo đã nộp đủ số tiền trên tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P nhất trí yêu cầu bồi thường đúng với số tiền các bị cáo đã nộp. Xét thấy việc thỏa thuận trên là có căn cứ, không trái đạo đức xã hội nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền trên theo Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự.

[6]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1.

Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng A D. Căn cứ thêm Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1.

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng A D, Lý Hùng T, Xè A G, Trần Minh P và Giàng A H1 phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng A D 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/6/2026). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Hoàng A D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Xử phạt bị cáo Lý Hùng T 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2.3. Xử phạt bị cáo Xè A G 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lai

Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Minh P 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2.5. Xử phạt bị cáo Giàng A H1 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lai Châu nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu tổng số tiền là 124.936.000 đồng, cụ thể: Bị cáo Hoàng A D là 5.000.000 đồng; bị cáo Lý Hùng T là 5.000.000 đồng; bị cáo Xê A G là 5.000.000 đồng; bị cáo Giàng A H1 là 5.000.000 đồng; bị cáo Trần Minh P là 104.936.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 14 giờ 05 phút ngày 21/5/2026).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Lai Châu được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1, TAND Tối cao;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (PV06, PC03);
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người có QLNVLQ;
- THAHS Công an tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Phong Thổ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương